

THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Ngô Xuân Trường^{1,2}, Cao Thị Minh Châu³

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Học viện Khoa học và Công nghệ,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

³Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên

Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, được thành lập theo Quyết định Số 01/TTg ngày 2/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm bảo vệ các loài chim nước di cư. Đây là khu đất ngập nước đã được Chính phủ đề cử là khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam, ngày 6/8/1988 (Anon. 1993). Văn phòng Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Công ước Ramsar) đã chính thức công nhận Xuân Thủy là một khu Ramsar, ngày 20/9/1988, với diện tích 12.000 ha (Ramsar 2000).

Năm 2004, công trình nghiên cứu “Danh lục các loài chim ở Vườn quốc gia Xuân Thủy” do BirdLife International tại Đông Dương và Ban quản lý VQG Xuân Thủy thực hiện. Công trình này đã ghi nhận ở VQG Xuân Thủy có 219 loài chim thuộc 41 họ và 11 bộ. Trong đó, đã ghi nhận được 18 loài chim quan trọng và tình trạng của chúng tại VQG Xuân Thủy.

Năm 2006, trong báo cáo “Bảo tồn các vùng đất ngập nước trọng yếu ở đồng bằng Bắc Bộ: Đánh giá lại các vùng chim quan trọng sau mười năm” của Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam đã xác định VQG Xuân Thủy là một trong 6 vùng chim quan trọng của các vùng đất ngập nước trọng yếu ở đồng bằng Bắc Bộ. Trong đó, đã ghi nhận được hơn 20.000 cá thể chim nước trong các đợt khảo sát vào các năm 1988 và 1994 (Scot (ed.) 1989, Pedersen et al. 1998); vào mùa xuân năm 1996 ước tính có khoảng 33.000 chim ven bờ đã ghé qua vùng chim quan trọng này (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng, 1996). Đáng chú ý, Xuân Thủy là nơi cư trú thường xuyên của một số loài đang hoặc gần bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu, như: Cò thìa *Platalea minor*, Mòng bể mỏ ngắn *Larus saundersi*, Choắt lớn mỏ vàng *Tringa guttifer*, Rẽ mỏ thìa *Eurynorhynchus pygmeus*, Choắt chân màng lớn *Limnodromus semipalmatus*,...

Năm 2009, trong cuốn sách “Chim Vườn quốc gia Xuân Thủy” của tập thể cán bộ kỹ thuật của VQG Xuân Thủy cùng với văn phòng Corin-Asia tại Việt Nam và các chuyên gia phối hợp biên tập và hoàn thiện, đã mô tả đặc điểm nhận dạng, sinh cảnh sống, điểm quan sát và tình trạng ghi nhận của 214 loài chim ở VQG Xuân Thủy.

Nhằm đánh giá hiện trạng thành phần loài chim ở khu vực nghiên cứu, tạo lập cơ sở khoa học cho quản lý bảo tồn khu hệ chim, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát về thành phần loài chim ở VQG Xuân Thủy, tỉnh Nam Định.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thời gian và địa điểm

Đã có 4 đợt khảo sát thực địa được tiến hành từ năm 2013-2016. Cụ thể năm 2013 tiến hành 2 đợt khảo sát vào tháng 7 và 12; năm 2014 tiến hành một đợt khảo sát vào tháng 4; năm 2016 tiến hành một đợt khảo sát vào tháng 6.

Đã tiến hành điều tra khảo sát khu hệ chim ở 9 điểm khảo sát thuộc vùng lõi và vùng đệm của VQG Xuân Thủy. Địa điểm khảo sát chim ở VQG Xuân Thủy được ghi chi tiết trong bảng 1.

Địa điểm khảo sát chim tại VQG Xuân Thủy

STT	Địa điểm khảo sát	Tọa độ	Dạng sinh cảnh
1	Khu vực Cồn Ngạn, xã Giao An	20.244°N/ 106.571°E	Rừng ngập mặn; đầm nuôi thủy sản
2	Khu vực Cồn Xanh, xã Giao An	20.237°N/ 106.598°E	Cồn cát; khu vực nuôi ngao của dân địa phương
3	Khu vực đầu Cồn Lu (Trạm Biên phòng), xã Giao Thiện	20.248°N/ 106.578°E	Rừng phi lao ven biển; rừng ngập mặn
4	Khu vực vùng đệm, xã Giao An	20.205°N/ 106.562°E	Khu vực dân cư
5	Khu vực Bãi trong, xã Giao An	20.254°N/ 106.537°E	Rừng ngập mặn; đầm nuôi thủy sản
6	Khu vực cửa sông ven biển (Sông Vọt, sông Trà), xã Giao An	20.224°N/ 106.527°E	Rừng ngập mặn ven sông
7	Khu vực cuối Cồn Lu, xã Giao Hải	20.200°N/ 106.474°E	Rừng phi lao ven biển; đầm nuôi thủy sản
8	Khu vực vùng đệm, xã Giao Thiện	20.272°N/ 106.558°E	Rừng ngập mặn; đầm nuôi thủy sản
9	Khu vực cửa sông Ba Lạt, xã Giao Thiện	20.282°N/ 106.554°E	Rừng ngập mặn; đầm nuôi thủy sản

2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra theo tuyến: Trên thực địa, chim được quan sát trực tiếp bằng mắt thường và ống nhòm Kowa (10 x 42).

Phỏng vấn dân địa phương: Một số loài chim được xác định bằng phỏng vấn dân địa phương là những người thường xuyên đi rừng và cán bộ kiểm lâm ở các trạm Kiểm lâm, trong khi phỏng vấn sử dụng ảnh màu trong các sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim của Craig Robson (2005). Ngoài ra, chúng tôi còn thu thập các di vật cơ thể của chim còn lưu giữ lại trong nhân dân địa phương như: lông cánh, lông đuôi, mỏ, giò,.... Những dẫn liệu này sẽ bổ sung thêm cho việc xác định loài.

Giám định loài: Xác định tên chim tại thực địa bằng sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim có hình vẽ màu của Robson (2005), ngoài ra còn tham khảo sách Chim Việt Nam của Nguyễn Cử và cộng sự (2000). Danh sách các loài chim được sắp xếp theo Inskipp và cộng sự (1996). Tên phổ thông và tên khoa học các loài chim theo Võ Quý, Nguyễn Cử (1995) và Sibley và Monroe (1990).

Đánh giá các loài chim có giá trị khoa học: Đánh giá các loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen ở cấp quốc gia và quốc tế dựa theo các tiêu chí thứ hạng của Sách Đỏ Việt Nam (2007); Danh Lục Đỏ IUCN (2016) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Thành phần phân loại học

Qua điều tra khảo sát thực địa và tham khảo kết quả các công trình nghiên cứu về chim đã được công bố ở VQG Xuân Thủy, cho đến nay chúng tôi đã thống kê được 222 loài chim thuộc 42 họ của 12 bộ (Bảng 2). Trong đó, bổ sung 2 loài cho danh sách chim của VQG Xuân Thủy so với các báo cáo trước đây là Cú lợn lưng xám *Tyto alba* và Quắm đen *Plegadis falcinellus*.

Bảng 2

Cấu trúc thành phần loài chim ở VQG Xuân Thủy

STT	Tên Bộ	Họ		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Gà Galliformes	1	2,4	1	0,5
2	Ngỗng Anseriformes	1	2,4	15	6,8
3	Cun cút Turniciformes	1	2,4	1	0,5
4	Gõ kiến Piciformes	1	2,4	1	0,5
5	Sả Coraciiformes	5	11,9	7	3,2
6	Cu cu Cuculiformes	2	4,8	8	3,6
7	Yến Apodiformes	1	2,4	1	0,5
8	Cú Strigiformes	1	2,4	1	0,5
9	Bồ câu Columbiformes	1	2,4	5	2,3
10	Sếu Gruiformes	1	2,4	6	2,7
11	Hạc Ciconiiformes	13	31,0	93	41,9
12	Sẻ Passeriformes	14	33,3	83	37,4
	Tổng số	42	100,0	222	100,0

Từ bảng 2 cho thấy: Thành phần loài chim ở VQG Xuân Thủy có sự khác biệt về số họ và số loài trong các bộ. So sánh sự đa dạng về số họ và loài trong các bộ như sau:

Sự đa dạng về thành phần họ: Trong số 12 bộ chim ghi nhận được ở VQG Xuân Thủy, thì bộ Sẻ Passeriformes đa dạng nhất với 14 họ (chiếm 33,3% tổng số họ); tiếp theo là bộ Hạc Ciconiiformes với 13 họ (chiếm 31,0%); Sả Coraciiformes với 5 họ (chiếm 11,9%); Cu cu Cuculiformes với 2 họ (chiếm 4,8%). Các bộ còn lại chỉ có 1 họ (chiếm 2,4%).

Sự đa dạng về thành phần loài: Xét sự đa dạng về thành phần loài trong các bộ cho thấy bộ Hạc Ciconiiformes đa dạng nhất với 93 loài (chiếm 41,9% tổng số loài); tiếp đến là bộ Sẻ Passeriformes với 83 loài (chiếm 37,4% tổng số loài); Ngỗng Anseriformes với 15 loài (chiếm 6,8%); Cu cu Cuculiformes 8 (chiếm 3,6%); Sả Coraciiformes 7 (chiếm 3,2%); Sếu Gruiformes 6 (chiếm 2,7%); Bồ câu Columbiformes 5 (chiếm 2,3%). Các bộ còn lại chỉ có 1 loài (chiếm 0,5%).

2.2. Các loài chim có giá trị bảo tồn

Thống kê các loài chim có giá trị bảo tồn cấp quốc gia và quốc tế, căn cứ vào các tiêu chí phân hạng các loài đang bị đe dọa trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục Đỏ IUCN (2016) và thuộc danh sách các loài quý hiếm được ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Đó là những loài đang được ưu tiên bảo tồn.

Trong số 222 loài chim ghi nhận được ở VQG Xuân Thủy có 16 loài ưu tiên bảo tồn, chiếm 7,2% tổng số loài (Bảng 3), trong đó:

- Có 10 loài được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007): 3 loài ở bậc EN (Nguy cấp); 6 loài ở bậc VU (Sẽ nguy cấp) và 1 loài ở bậc DD (Thiếu dẫn liệu).

- Có 14 loài được ghi trong Danh lục đỏ IUCN (2016): 2 loài ở bậc CR (Rất nguy cấp); 3 loài ở bậc EN (Nguy cấp); 3 loài ở bậc VU (Sẽ nguy cấp) và 6 loài ở bậc NT (Sắp bị đe dọa).

- Có 2 loài được ghi trong Nghị định 32/2006/NĐCP (2006): 01 loài thuộc nhóm IB (Nghiêm cấm khai thác sử dụng) và 01 loài thuộc nhóm IIB (Hạn chế khai thác sử dụng).

Bảng 3

Các loài chim có giá trị bảo tồn ở VQG Xuân Thủy

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	SDVN, 2007	IUCN, 2016	NĐ32 /2006
1	<i>Anas falcata</i>	Vịt lười liềm		NT	
2	<i>Aythya baeri</i>	Vịt đầu đen	DD	CR	
3	<i>Tyto alba</i>	Cú lợn lưng xám			IIB
4	<i>Limosa limosa</i>	Choắt mỏ thẳng đuôi đen		NT	
5	<i>Tringa guttifer</i>	Choắt lớn mỏ vàng	EN	EN	
6	<i>Limnodromus semipalmatus</i>	Choắt chân màng lớn		NT	
7	<i>Eurynorhynchus pygmeus</i>	Rẽ mỏ thìa		CR	
8	<i>Larus saundersi</i>	Mòng bể mỏ ngắn	VU	VU	
9	<i>Egretta eulophotes</i>	Cò trắng trung quốc	VU	VU	
10	<i>Plegadis falcinellus</i>	Quắm đen	VU		
11	<i>Threskiornis melanocephalus</i>	Cò quắm đầu đen	VU	NT	
12	<i>Platalea minor</i>	Cò thìa	EN	EN	IB
13	<i>Pelecanus philippensis</i>	Bồ nông chân xám	EN	NT	
14	<i>Mycteria leucocephala</i>	Cò lạo ấn độ	VU	NT	
15	<i>Pitta nympha</i>	Đuôi cụt bụng đỏ	VU	VU	
16	<i>Emberiza aureola</i>	Sẻ đồng ngực vàng		EN	
Tổng số			10	14	2

Ghi chú:

- SDVN, 2007: *Sách Đỏ Việt Nam (2007)*: EN – Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; DD: Thiếu dẫn liệu.
- IUCN, 2016: *Danh lục Đỏ IUCN (2016)*: CR - Rất nguy cấp; EN – Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; NT - Sắp bị đe dọa.
- ND32/2006: *Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ (2006)*: IB - Nghiêm cấm khai thác sử dụng; IIB - Hạn chế khai thác sử dụng.

III. KẾT LUẬN

- Đã thống kê được 222 loài chim thuộc 42 họ của 12 bộ ở VQG Xuân Thủy. Trong đó, đã bổ sung 2 loài cho danh sách chim của VQG Xuân Thủy so với các báo cáo trước đây là Cú lợn lưng xám *Tyto alba* và Quắm đen *Plegadis falcinellus*

- Tiềm năng về giá trị bảo tồn các loài chim quý hiếm ở mức cao, bởi có 16 loài ưu tiên bảo tồn. Trong đó: Sách Đỏ Việt Nam (2007) có 10 loài; Danh lục Đỏ IUCN (2016) có 14 loài và Nghị định 32/2006/NĐCP (2006) có 02 loài.

Lời cảm ơn: Công trình được hoàn thành với sự tài trợ của tổ chức JICA Nhật Bản và Đề tài cơ sở của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **BirdLife International tại Đông Dương và Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Thủy**, 2004. *Danh lục các loài chim ở Vườn Quốc gia Xuân Thủy*. Báo cáo kỹ thuật.
2. **Bộ Khoa học và Công nghệ và Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam (Phần I. Động vật)*. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. **Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam**, 2006. *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*.
4. **Craig Robson**, 2005. *Birds of southeast Asia*. Princeton University Press, Princeton and Oxford.
5. **Inskipp T., Lindsey N. and Duckworth W.**, 1996. *Annotated checklist of the birds of the Oriental region*. Sandy, Bedfordshire, U. K.: Oriental Bird Club.
6. **IUCN**, 2016. *Red list of Threatened animals*. <http://www.redlist.org>.
7. **Nguyễn Cừ, Lê Trọng Trãi, Karen Phillips**, 2000. *Chim Việt Nam*. Nxb. Lao động-Xã hội, Hà Nội.
8. **Nguyễn Viết Cách, Nguyễn Xuân Thuận, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Đức Tú, Phan Văn Trường, Đinh Thị Phương**, 2009. *Chim Vườn Quốc gia Xuân Thủy*. Sách hướng dẫn.
9. **Nguyễn Đức Tú, Lê Mạnh Hùng, Mai Xuân Trung**, 2003. *Hướng dẫn giám sát bảo tồn tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định*. Chương trình BirdLife Quốc tế tại Đông Dương hợp tác với Vườn Quốc gia Xuân Thủy. Báo cáo bảo tồn số 29.
10. **Nguyễn Đức Tú, Lê Mạnh Hùng, Lê Trọng Trãi, Hà Quý Quỳnh, Nguyễn Quốc Bình, Richard Thomas**, 2006. *Bảo tồn các vùng đất trọng yếu ở đồng bằng Bắc Bộ: Đánh giá lại các vùng chim quan trọng sau mười năm*. Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam với sự tài trợ của Quỹ Bảo tồn thiên nhiên Keidanren. Báo cáo bảo tồn số 31.
11. **Võ Quý, Nguyễn Cừ**, 1999. *Danh lục chim Việt Nam (In lần thứ hai)*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

**SPECIES COMPOSITION OF BIRDS FROM XUAN THUY NATIONAL PARK,
NAM DINH PROVINCE**

Ngô Xuân Tuông, Cao Thị Minh Châu

SUMMARY

Xuan Thuy National Park was established under the Decision No. 01/TTg, dated on 2 January 2003 by the Prime Minister to protect migratory water birds. This study was conducted in the different time phases, including 2011 to 2013, at 9 survey sites in the core zone and buffer zone of Xuan Thuy National Park. A total of 222 bird species belonging to 42 families, 12 orders were recorded from the Xuan Thuy National Park, Nam Định province. Among them, 2 species are listed in the Governmental Decree No 32/2006/ND-CP (2006), 10 species are listed in the Red Data Book of Vietnam (2007) and 14 species are listed in the IUCN's Red List (2016).